## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7

**I. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Trái đất và bầu trời.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung nửa đầu học kì 2: *32,5% (3,25 điểm; Chủ đề 1: 10 tiết, chủ đề 2: 22 tiết)*

- Nội dung nửa sau học kì 2: *67,5% (6,75 điểm; Chủ đề 2-3-4-5: 31 tiết)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |  |  | *12* |
| *1. Từ (10 tiết)* |  | **4** |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1,0 |
| *2. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (30 tiết)* |  | **2** | 1 | **4** | 1 |  |  |  | 2 | 6 | 4,0 |
| *3. Cảm ứng ở sinh vật (6 tiết)* | 1 |  |  | **1** |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,25 |
| *4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (7 tiết)* |  | **2** |  | **2** | 1 |  |  |  | 1 | 4 | 1,5 |
| *5. Sinh sản ở sinh vật (10 tiết)* |  | **4** |  | **1** |  |  | 1 |  | 1 | 5 | 2.25 |
| **Số câu** | 1 | **12** | 1 | **8** | 2 |  | 1 |  | 5 | 20 |  |
| **Điểm số** | **1** | **3** | **1.0** | **2** | **2** |  | **1** |  | **5** | **5** | **10** |
| **% điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  | | **10 điểm**  **(100%)** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| *TL*  *(Số câu)* | *TN*  *(Số câu)* | *TL*  *(Số câu)* | *TN*  *(Số câu)* |
| ***1. Từ*** | | |  | **4** |  |  |
| - Từ trường | **Nhận biết** | - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.  - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm.  - Nêu được khái niệm đường sức từ. |  | 2 |  | C1,C2 |
| **Vận dụng** | - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Từ trường Trái Đất | **Nhận biết** | - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.  - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  | 2 |  | C3,C4 |
| - Nam châm điện | **Vận dụng** | - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, …) |  |  |  |  |
| **2. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật** | | | **2** | **4** |  |  |
| - Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | 1 |  | C5 |
| - Chuyển hoá năng lượng ở tế bào | **Nhận biết** | - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. | 1 | 1 | C21 | C7 |
| **Vận dụng** | - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  - Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.  - Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
| - Trao đổi  Trao đổi khí | **Thông hiểu** | - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  - Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người) |  | 1 |  | C8 |
| **-** Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  - Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. |  | 2 |  | C9,C10 |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). | **1** |  | **C24** |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...) |  |  |  |  |
| **3. Cảm ứng ở sinh vật** | | | **1** | **1** |  |  |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  - Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.  - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;  - Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. | 1 |  | C22 |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  | 1 |  | C11 |
| **Vận dụng** | - Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  - Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.  - Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| **4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | | | **1** | **4** |  |  |
| - Khái niệm sinh trưởng và phát triển | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  | 2 |  | C12,C13 |
| **Thông hiểu** | Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| - Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật | **Thông hiểu** | - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. |  | 1 |  | C14 |
| **Vận dụng** | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.  Vận dụng kiến thức mô tả đặc điểm thể hiện các dấu hiệu của sinh trưởng và phát triển ở người. | 1 |  | C23 |  |
| - Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | **Thông hiểu** | - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Các nhân tố ảnh hưởng | **Thông hiểu** | Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  | 1 |  | C15 |
| - Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | **Thông hiểu** | Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  - Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). |  |  |  |  |
| **5. Sinh sản ở sinh vật** | | | **1** | **5** |  |  |
| - Khái niệm sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| - Sinh sản vô tính | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  | 2 |  | C16,C17 |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | 1 |  | C18 |
| **Vận dụng** | Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |  |  |  |  |
| - Sinh sản hữu tính | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật.  - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính.  - Các hình thức sinh sản ở sinh vật |  | 1 |  | C19 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  - Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  | 1 |  | **C20** |
| - Điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). | **1** |  | **C25** |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Câu 1.** Ta nói rằng tại một điểm A trong không gian có từ trường khi:

**A.** Một vật nhẹ để gần A hút về phía A.

**B.** Một thanh đồng để gần A bị đẩy ra xa A.

**C.** Một thanh nam châm đặt tại A bị quay lệch khỏi hướng Nam-Bắc.

**D.** Một thanh nam châm đặt tại A bị nóng lên.

**Câu 2.** Từ trường **không** tồn tại ở đâu ?

A. Xung quanh nam châm.

B. Xung quanh dòng điện.

C. Xung quanh điện tích đứng yên.

D. Xung quanh Trái Đất.

**Câu 3**. Một kim nam châm đặt cân bằng trên trục quay tự do, khi đứng cân bằng thì hai đầu của nó luôn chỉ hướng nào của địa lí?

A. Bắc – Nam.

B. Đông – Tây.

C. Bắc – Nam xong lại chỉ Đông – Tây.

D. Đông – Tây xong lại chỉ Bắc – Nam.

**Câu 4.** Đường sức từ là những đường cong được vẽ theo quy ước nào?

A. Có chiều từ cực Nam đến cực Bắc bên ngoài thanh nam châm.

B. Có độ mau thưa tùy ý.

C. Bắt đầu từ cực này và kết thúc ở cực kia của nam châm.

D. Có chiều từ cực Bắc tới cực Nam bên ngoài thanh nam châm.

**Câu 5.** Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có vai trò quan trọng đối với

A. sự chuyển hoá của sinh vật. B. sự biến đổi các chất.

C. sự trao đổi năng lượng. D. sự sống của sinh vật.

**Câu 6.** Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là

A. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen.

B. nước, hàm lượng khí carbon dioxide, ánh sáng, nhiệt độ.

C. nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.

D. nước, hàm lượng khí oxygen, nhiệt độ.

**Câu 7.** Sản phẩm của quang hợp là

A. ánh sáng, diệp lục. B. oxygen, glucose.

C. nước, carbon dioxide. D. glucose, nước.

**Câu 8.** Cơ quan trao đổi khí ở giun đất, cá lần lượt là   
A. qua da, qua hệ thống ống khí

B. qua mang, qua hệ thống ống khí

C. qua phổi, qua hệ thống ống khí

D. qua hệ thống ống khí, qua da

**Câu 9.** Cho các đặc điểm sau:

(1) Được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

(2) Tốc độ thoát hơi nước nhanh.

(3) Không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

(4) Tốc độ thoát hơi nước chậm.

Con đường thoát hơi nước qua khí khổng có những đặc điểm nào?

A. (1), (2). B. (2), (3).

C. (3), (4). D. (1),(4).

**Câu 10.** Con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở người:

A. nghiền nát – tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng – đào thải.

B. tiếp nhận thức ăn – chuyển hóa dinh dưỡng– nghiền nát – đào thải.

C. chuyển hóa dinh dưỡng – tiếp nhận thức ăn – nghiền nát – đào thải.

D. tiếp nhận thức ăn – nghiền nát – chuyển hóa dinh dưỡng – đào thải.

**Câu 11.** Khi ta chạm tay vào lá cây trinh nữ (xấu hổ), lá cây sẽ cụp lại (hình bên). Đây là hiện tượng gì?

A. hiện tượng va chạm.

B. hiện tượng cảm ứng.

C. hiện tượng hóa học.

D. hiện tượng sinh học.

**Câu 12.** Sinh trưởng ở sinh vật là

A. sự tăng về khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

B. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về khối lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

C. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể nhờ đó cơ thể lớn lên.

D. sự tăng về kích thước và khối lượng của cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào, nhờ đó cơ thể lớn lên.

**Câu 13.** Phát triển bao gồm

A. sinh trưởng, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

B. sinh trưởng, phân hóa tế bào.

C. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát sinh hình thái cơ quan và cơ thể.

D. sinh trưởng, phân hóa tế bào, phát triển hình thái cơ quan và cơ thể.

**Câu 14:** Mô phân sinh đỉnh giúp thân, cành và rễ tăng lên về

A. chiều dài. B. chiều rộng.

C. khối lượng. D. trọng lượng.

**Câu 15.** Còi xương, chậm lớn ở động vật và người do thiếu

A. vitamin C. B. vitamin D.

C. vitamin A. D. vitamin E.

**Câu 16.** Hình thức sinh sản nào sau đây là sinh sản vô tính?

A. Đẻ trứng. B. Đẻ con.

C. Phân đôi cơ thể. D. Đẻ trứng và đẻ con.

**Câu 17.** Phương pháp nhân giống cây trồng nào sau đây cho ra số cây giống nhanh, đồng loạt, số lượng lớn, giá thành rẻ?

A. Giâm cành. B. Chiết cành.

C. Ghép cây. D. Nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

**Câu 18.** Các hình thức sinh sản ở thực vật gồm:

A. Sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử.

B. Sinh sản bằng hạt và sinh sản bằng chồi.

C. Sinh sản bằng rễ và bằng thân và bằng lá.

D. Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.

**Câu 19.** Sinh sản hữu tính ở sinh vật là quá trình

A. tạo ra cơ thể mới từ một phần của cơ thể mẹ hoặc bố.

B. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành bào tử, bào tử phát triển thành cơ thể mới.

C. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử, hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

D. tạo ra cơ thể mới từ cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ.

**Câu 20.** Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật gồm

A. ánh sáng, nhiệt độ, nước, chất dinh dưỡng.

B. ánh sáng, đặc điểm loài, nước, hormone sinh sản.

C. đặc điểm loài, nước, nhiệt độ, chất dinh dưỡng.

D. ánh sáng, nhiệt độ, nước, chất dinh dưỡng

**B. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)**

**Câu 21 (1,0 điểm).** Mô tả quá trình hô hấp diễn ra ở tế bào?

**Câu 22 (1,0 điểm).** Nêu khái niệm về tập tính của sinh vật?

**Câu 23 (0,5 điểm)**. Vận dụng kiến thức đã học, mô tả đặc điểm thể hiện các dấu hiệu của sinh trưởng và phát triển ở người.

**Câu 24 (1,5 điểm).** Sau khi học vế quá trình thoát hơi nước ở cây xanh, bạn Mai băn khoăn muốn biết xem nếu sự thoát hơi nước ở lá không diễn ra thì điểu gì sẽ xảy ra, còn Khôi thì không biết tưới nước hợp lí cho cây trồng là như thế nào. Em hãy  
giúp Mai và Khôi giải đáp các băn khoăn trên?

**Câu 25 (1,0 điểm).** Vụ trước, bà của Hoa trổng giống lúa mới, bà thấy giống lúa này cho năng suất cao, nấu cơm dẻo và thơm, vụ này bà muốn tiếp tục trổng giống lúa đó nên bà đi mua lúa giống. Hoa thắc mắc tại sao không lấy thóc nhà mình vừa thu hoạch để trồng tiếp vụ này. Em hãy vận dụng những kiến thức đã học để giải thích cho Hoa hiểu.

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**

1. **TNKQ (5,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| Đ/A | C | C | A | B | D | B | B | A | A | D | B | D | C | A | B | C | D | A | C | A |

**Phần II: Tự luận: (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 21**  (1,0 điểm) | Mô tả quá trình hô hấp diễn ra ở tế bào : Khí oxygen phân giải pác phân tử chất hữu cơ ( chủ yếu là glucose) thành khí carbon dioxide và nước, đồng thời cũng tạo ra năng lượng ATP | 1,0 điểm |
| **Câu 22**  (1,0 điểm) | - Tập tính là một chuỗi những phản ứng trả lời các kích thích đến từ môi trường bên trong hoặc bên ngoài cơ thể, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển. | 1,0 điểm |
| **Câu 23**  (0,5 điểm) | Dấu hiệu sinh trưởng ở cơ thể người: cơ thể tăng lên vế chiều cao và cân nặng.  Dấu hiệu phát triển: phát sinh các cơ quan trong giai đoạn phôi, phát sinh các đặc điểm ở tuổi dậy thì như mọc râu (ở nam), ngực phát triển (ở nữ)... | 0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 24**  (1,5 điểm) | - Giải thích băn khoăn của Khôi: Tưới nước hợp lí cho cây trông nghĩa là cần phải dựa vào nhu cầu nước của loài, giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây, đặc điểm của đất cũng như thời tiết để quyết định lượng nước và thời gian tưới nước cho cây.  - Giải thích băn khoăn của Mai: Nếu thoát hơi nước ở lá không diên ra thì sự vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên thân sẽ bị chậm hoặc có thể ngừng lại; khí khổng không mở hoặc mở nhỏ nên CO2 không khuếch tán vào trong lá để cung cấp cho quang hợp, dẫn đến không đảm bảo cung cấp nước và chất dinh dường cho hoạt động sóng cua tế bào. Bên cạnh đó, khi nhiệt độ môi trường cao, lá cây sẽ bị đốt nóng nếu không có sự thoát hơi nước. Nếu quá trình thoát hơi nước không diễn ra trong thời gian dài, sự sinh trưởng và phát triển của cây bị chậm lại, cây có thể chết. | 0,5 điểm  1,0 điểm |
| **Câu 25**  **(1,0 điểm)** | Lúa thu hoạch từ vụ trước có những hạt được tạo thành từ hạt phấn của những câỵ lúa ở ruộng khác, nếu dùng những hạt lúa đó làm gióng, thế hệ con sẽ mang những đặc điểm của cả cây bố, mẹ nên có thể chất lượng vànăng suất sẽ không được như trống từ lúa giống đi mua. | 1,0 điểm |